**MẪU BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**(DỰ ÁN CHĂN NUÔI)**

# Chương I

# THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

## Tên chủ cơ sở

* Địa chỉ văn phòng:
* Người đại diện pháp luật của chủ cơ sở:

-Chức vụ:

- Điện thoại liên hệ:

* Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh số:
* Tên cơ sở

**CƠ SỞ CHĂN NUÔI ……**

( gọi tắt là cơ sở)

* Địa điểm cơ sở: Vị trí của Cơ sở có diện tích m2 thuộc…..

###### Hình 1.1. Sơ đồ vị trí Cơ sở

*Hình 1.2. Vị trí Cơ sở trên bản đồ Google Earth*

* Văn bản thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường, phê duyệt dự án:

Quyết định số….. về việc chấp thuận chủ trương đầu tư …...

Quyết định số…. về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 …...

Quyết định số ….. về việc cho thuê đất …..để xây dựng …..

* Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các giấy phép môi trường thành phần:

Quyết định số ….. về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án …..

* Quy mô của cơ sở:

Cơ sở có diện tích ...., xây dựng các hạng mục:……

Tổng số vật nuôi…… (tương đương …..ĐVN).

Cơ sở thuộc quy mô công suất ……(Theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ). Cơ sở có tổng mức đầu tư ……., thuộc dự án nông nghiệp nhóm ….. (Theo Luật Đầu tư công năm 2019).

Căn cứ điểm ….. khoản 3 Điều 41 của Luật Bảo vệ môi trường, Uỷ ban nhân dân cấp tỉnh cấp giấy phép môi trường đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 39 của Luật này …….

Các hạng mục công trình của Cơ sở:

##### Bảng 1.1. Bảng thống kê quy mô các hạng mục công trình

| **Stt** | **Hạng mục** | **Số lượng** | **Diện tích (m2)** | **Tỷ lệ (%)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Đất xây dựng khu chăn nuôi** |  |  |
| **2** | **Công trình hạ tầng kỹ thuật** |  |  |  |
| **3** | **Đất hành chính, dịch vụ** |  |  |  |
| **4** | **Đất giao thông** |  |  |  |
| **5** | **Đất cây xanh, mặt nước** |  |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |

Danh mục máy móc, thiết bị của Cơ sở:

##### Bảng 1.2. Danh mục máy móc, thiết bị sản xuất tại Cơ sở

| **Stt** | **Tên thiết bị** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

## Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

### 3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

##### Bảng 1.3. Quy mô công suất hoạt động của Cơ sở

| **Stt** | **Hạng mục** | **Số lượng chuồng** | **Số lượng (con)** | **Số lượng sản phẩm)** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
|  |  |  |  |

### 3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Tóm tắt quy trình chăn nuôi:

###### Hình 1.3. Quy trình chăn nuôi của Cơ sở

***Thuyết minh:***

### 3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm đầu ra của Cơ sở: .......

## Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

### 4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên liệu, hóa chất sử dụng

##### Bảng 1.4. Nhu cầu nguyên nhiên liệu, hóa chất sử dụngcủa Cơ sở

| **Stt** | **Nguyên, nhiên vật liệu đầu vào** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Con giống |  |  |  |
| 2 | Thức ăn, nguyên liệu sản xuất thức ăn |  |  |  |
| 3 | Thuốc, vắcxin |  |  |  |
| 4 | Hóa chất sát trùng |  |  |  |
| 5 | Dầu DO (cho máy phát điện 500kVA chạy dự phòng khi mất điện lưới) |  |  |  |

* Con giống: …….
* Thức ăn:…….

##### Bảng 1.5. Nhu cầu nguyên nhiên liệu, hóa chất sử dụng của Cơ sở

| **Stt** | **Loại vật nuôi** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

* Thuốc thú y

##### Bảng 1.6. Danh mục thuốc thú y dùng cho Trang trại

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Stt** | **Loại thuốc** | **Công dụng** |
| **A. Thuốc kháng sinh** |
|  |  |  |
| **B. Vitamin** |

*Nguồn: …..*

Tất cả các loại thuốc thú y sử dụng cho hoạt động của trang trại đều nằm trong danh mục thuốc thú y, vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

### 4.2. Nhu cầu sử dụng điện

### 4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cấp nước:

Mạng lưới cấp nước được thiết kế:

Nhu cầu dùng nước:........ Nhu cầu sử dụng nước được tính toán cụ thể như sau:

* Nhu cầu cấp nước cho sinh hoạt cho 200cán bộ nhân viên làm việc tại trang trại:

Qsh = người x (định mưc) lít/người/ngày =…...

* Nhu cầu nước cấp cho chăn nuôi gồm:
* Nước uống cho vật nuôi:
* Nước cấp cho hệ thống làm mát:
* Nước cấp cho hệ thống sát trùng:
* Nước cấp cho vệ sinh chuồng trại:

Lượng nước sử dụng cho vệ sinh chuồng trại được tính như sau:

##### Bảng 1.6. Định mức lượng nước vệ sinh 1 chuồng sau mỗi đợt nuôi.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Diện tích mỗi chuồng (m2)** | **Định mức sử dụng nước rửa (lít/m2)** | **Lượng nước rửa 1 chuồng (m3/ngày)** |
|  |  |  |

* Nhu cầu nước tưới cây:
* Nhu cầu nước cấp cho PCCC:

##### Bảng 1.7. Nhu cầu sử dụng nước

| **Stt** | **Mục đích sử dụng nước** | **Lưu lượng (m3/ngày)** | **Ghi chú** |
| --- | --- | --- | --- |
| 1 | Sinh hoạt của CB-CNV |  |  |
| 2 | Nước uống cho vật nuôi |  |
| 3 | Làm mát chuồng trại |  |
| 4 | Sát trùng xe và CB-CNV |  |
| 5 | Tưới cây |  |
| 6 | Vệ sinh chuồng trại |  |  |
| **Tổng cộng** |  |  |
|  |  |

# Chương II

# SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

## 1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

## 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

* Về môi trường không khí:
* Về nước thải:
* Đối với chất thải rắn:

# Chương III

# KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

## 1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lí nước thải

- Hệ thống thoát nước mưa:

-Hệ thống thoát nước thải:

### 1.1. Thu gom, thoát nước mưa

#### 1.1.1. Hệ thống thoát nước mưa ngoài khu chuồng nuôi

Mặt bằng hệ thống thoát nước mưa ngoài khu chuồng của Cơ sở như sau:

*Hình 3.1. Mặt bằng hệ thống thoát nước mưa ngoài khu chuồng của Cơ sở*

#### 1.1.2. Hệ thống thoát nước mưa trong khu chuồng nuôi

### 1.2. Thu gom, thoát nước thải

#### 1.2.1. Hệ thống thoát nước thải ngoài khu chuồng nuôi

Mặt bằng hệ thống thoát nước thải điển hình ngoài khu chuồng của Cơ sở như sau:

###### Hình 3.10. Mặt bằng hệ thống thoát nước mưa ngoài khu chuồng nuôi

1.2.2. Hệ thống thoát nước thải trong khu chuồng nuôi

* Mặt bằng hệ thống thoát nước thải điển hình trong khu chuồng của Cơ sở như sau:
* Hình 3.13. Mặt bằng hệ thống thoát nước thải
* Nước thải sinh hoạt

Theo tính toán, tổng lượng nước thải sinh hoạt phát sinh của Cơ sở khoảng m3/ngày (80% nước cấp sinh hoạt).

* Phương án xử lý nước thải sinh hoạt như sau:

Đối với nước thải từ nhà vệ sinh:.

Đối với nước thải từ nhà ăn, nhà bếp:

Đối với nước thải từ nguồn khác:

Các nguồn nước thải này sẽ thu gom chung về về trạm XLNT tập trung của trang trại, công suất ….. m3/ngày.đêm.

* **Công trình, thiết bị xử lý nước thải sơ bộ**

Toàn bộ nước thải sinh hoạt sau xử lý cục bộ sẽ được thu gom đưa về hệ thống XLNT của Cơ sở để xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột , kf = ; kq = );

trước khi thải nguồn tiếp nhận......

* Nước thải chăn nuôi
* Tính toán lượng phát sinh

- Phương án thu gom từng loại

* Tổng lượng nước thải được thu gom về trạm XLNT để xử lý làm3/ngày gồm: …….
* Hệ thống XLNT có công suất? Hệ số an toàn thiết kế?

Các yếu tố kỹ thuật mạng lưới thoát nước thải:

### 1.3. Xử lí nước thải

Hệ thống xử lý: 01 hệ thống xử lý công suất ....m3/ngày đêm, công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp, gồm các hạng mục công trình (trình bày cụ thể):

###### Hình 3.25. Sơ đồ công nghệ XLNT của Cơ sở, công suất 40 m3/ngày

***Thuyết minh công nghệ:***

***Hướng dẫn vận hành HTXLNT:*** trình bày cụ thể cơ chế vận hành

***. - Trường hợp bất thường:*** trình bày cự thể các biện pháp trong trường hợp có sự cố thiết bị

3. Pha chế và định lượng hóa chất

3.1. Nguyên tắc chung pha chế và định lượng hoá chất

3.2. Pha dung dịch khử trùng chlorine

* Đặc tính các hạng mục xây dựng trong trạm XLNT

**Phần xây dựng:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Tên hạng mục** | **Vật liệu** | **Chiều dài (m)** | **Chiều rộng (m)** | **Chiều cao tổng (m)** | **Số lượng** | **Thể tích xây(m3)** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |

**Phần thiết bị công nghệ:**

| **Stt** | **Hạng mục** | **Đặt tính kỹ thuật** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Xuất xứ** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **I.** | **Bể**  |  |  |  |  |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |
| **II.** | **Bể…** |
| 4 |  |  |  |  |  |

## 2. Công trình thu gom bụi, khí thải

* Giảm thiểu mùi hôi từ khu vực nuôi, khu vực chứa phân
* Giảm thiểu khí thải từ hoạt động máy phát điện dự phòng
* Giảm thiểu bụi, khí thải từ phương tiện tham gia giao thông

## 3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lí chất thải rắn thông thường

* Giảm thiểu tác động do chất thải rắn sinh hoạt: tổng khối lượng…..
* Thành phần:
* Biện pháp thu gom:
* Biện pháp xử lý:
* Giảm thiểu tác động do chất thải rắn công nghiệpthông thường
* Khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

Phương pháp tính toán...

* Biện pháp thu gom và xử lý:

+ Phân:

+ Vật nuôi chết không do dịch:

+ Lượng bùn thải phát sinh từ biogas + HTXLNT:

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lí chất thải nguy hại

* Đối với vật nuôi chết do dịch bệnh
* Đối với chất thải nguy hại khác

## Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

* Đối với tiếng ồn từ các phương tiện giao thông vận tải
* Đối với tiếng ồn từ khu vực chuồng nuôi
* Đối với tiếng ồn từ máy phát điện

## Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

### 6.1. Phòng ngừa sự cố về điện gây cháy nổ

### 6.2. Phòng chống ứng phó sự cố dịch bệnh

 ***\* Đối với bên ngoài khu chuồng nuôi***

 ***\* Đối với bên trong chuồng nuôi***

 ***\* Thức ăn và nước uống***

 ***\* Điều kiện vệ sinh thú y***

 ***\* Phòng và trị bệnh trong quá trình nuôi gà***

 ***\* Khi xảy ra dịch bệnh***

### 6.3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố do hư hỏng hệ thống xử lý nước thải

* Phương án phòng ngừa sự cố:
* Phương án ứng phó sự cố:

## Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

### 6.1. Các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự khu vực trang trại

**a. Các biện pháp giảm thiểu tác động đến môi trường xã hội**

1. **Biện pháp giảm thiểu tác động đến dự án xung quanh**

### 6.2. Giảm thiểu tác động đến mực nước ngầm(nếu có)

## Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

| **Stt** | **ĐTM** | **GPMT** |
| --- | --- | --- |

## Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp

## 10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học

# Chương IV

# NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

## 1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

* Nguồn phát sinh nước thải:
* Lưu lượng xả nước thải tối đa:
* Dòng nước thải:.
* Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải.

##### Bảng 4.1. Giá trị giới hạn các chất ô nhiễm trong dòng nước thải sau khi xử lý.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thông số** | **Đơn vị** | **Giá trị gới hạn cho phép** |
| 1 | pH | - |  |
| 2 | BOD5 | mg/l |  |
| 3 | COD | mg/l |  |
| 4 | TSS | mg/l |  |
| 5 | Tổng Nitơ (theo N) | mg/l |  |
| 6 | Tổng Coliform | mg/l |  |

* Tiêu chuẩn xả thải:
* Vị trí, phương thức xả thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

+ Vị trí:

+ Phương thức xả thải:

+ Chu kỳ xả thải:

+ Nguồn tiếp nhận:

+ Tọa độ vị trí xả thải:

#

# Chương V

# KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

## 1. Kết quả quan trắc môi trường định kì đối với nước thải

* Thời gian quan trắc:
* Vị trí lấy mẫu:
* Tọa độ vị trí lấy mẫu:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Vị trí lấy mẫu** | **Thời gian lấy mẫu** | **Tọa độ vị trí lấy mẫu (X-Y)** |
| Đầu ra HTXLNT của cơ sở |  |  |
| Đầu ra HTXLNT của cơ sở |  |  |
| Đầu ra HTXLNT của cơ sở |  |  |
| Đầu ra HTXLNT của cơ sở |  |  |

* Tổng số lượng mẫu thực hiện quan trắc:
* Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng
* Đơn vị thực hiện quan trắc:
* Kết quả quan trắc:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Thông số** | **Đơn vị** | **Kết quả quan trắc** | **QCVN 62-MT:2016/BTNMT**  |
|  |  |  |  |  |
| 1 | pH | - |  |  |  |  |  |
| 2 | TSS | mg/l |  |  |  |  |  |
| 3 | BOD5 | mg/l |  |  |  |  |  |
| 4 | COD | mg/l |  |  |  |  |  |
| 5 | Tổng Nitơ (T-N) | mg/l |  |  |  |  |  |
| 6 | Coliform | MPN/100ml |  |  |  |  |  |

Ghi chú: QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

*Nhận xét:*

# Chương VI

# CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

## 1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án

### 1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

##### Bảng 5.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Công trình xử lý chất thải** | **Giai đoạn** | **Thời gian bắt đầu** | **Thời gian kết thúc** |
| 1 | Trạm xử lý nước thải | Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả xử lý |  |  |
| Giai đoạn vận hành ổn định |  |  |

### 1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Căn cứ quy định đối với Kế hoạch quan trắc chất thải

#### 1.2.1. Quan trắc đối với công trình xử lý nước thải

Kế hoạch chi tiết thời gian dự kiến lấy mẫu quan trắc chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

## Tổ chức có đủ điều kiện dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch đo, lấy mẫu quan trắc chất thải

## 2. Chương trình quan trắc chất thải theo quy định của pháp luật

#

# Chương VII

# KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

# ĐỐI VỚI CƠ SỞ

- Các kết quả kiểm tra

***- Những khắc phục của Công ty so với biên bản kiểm tra:***

# ChươngVIII

# CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

#

# PHỤ LỤC BÁO CÁO

* Bản sao các văn bản pháp lý của cơ sở*(kèm theo).*
* Các phiếu kết quả quan trắc môi trường tại cơ sở *(kèm theo).*
* Sơ đồ vị trí lấy mẫu hiện trạng môi trường *(kèm theo)*.
* Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường *(kèm theo)*.
* Bản sao Báo cáo đánh giá tác động môi trường *(kèm theo)*.